TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6-VĨNH LONG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 63/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 22-9-2025
V/v: "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6-VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đoan Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1.Ông Bùi Văn Mưa Lớn

2. Ông Đoàn Văn Lắm

***- Thư ký ghi biên bản phiên tòa*:** Bà Võ Thị Minh Nguyệt – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6-Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thanh Thùy – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6-Vĩnh Long công khai xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 101/2025/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2025 về việc "*Xin ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 104/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 65/2025/QĐST-HNGĐ ngày 05/9/2025 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn*: Bà Huỳnh Thị Hồng N, sinh năm 1995;

Địa chỉ: ấp CM, xã PMT, tỉnh Vĩnh Long.

* Bị đơn: Ông Dương Minh T, sinh năm 1990;

Địa chỉ: ấp CM, xã PMT, tỉnh Vĩnh Long.

(Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Huỳnh Thị Hồng N trình bày:

Bà và ông Dương Minh T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã TN, huyện MCB, tỉnh Bến Tre (nay là xã PMT, tỉnh Vĩnh Long) vào ngày 22/02/2016. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2022 cho đến nay. Trong thời gian ly thân vợ chồng có hàn gắn tình cảm vợ chồng với nhau nhưng không được. Nay bà

thấy vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên yêu cầu Tòa án cho ly hôn ông T.

Trong quá trình hôn nhân, bà và ông T có 01 con chung tên Dương Huỳnh Ngọc A, sinh ngày 196/9/2016. Sau khi ly hôn, bà N đồng ý để ông T được tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc con chung. Bà N không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Bà N trình bày không có.

Về nợ chung: Bà N trình bày không có.

** Bị đơn ông Dương Minh T không đến Tòa án nên không có lời trình bày.*

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình; Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Huỳnh Thị Hồng N đối với ông Dương Minh T; Về con chung: vợ chồng có 01 con chung tên Dương Huỳnh Ngọc A, sinh ngày 16/9/2016. Sau khi ly hôn, bà N đồng ý để ông T được tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc con chung, phù hợp với nguyện vọng của cháu Anh muốn sống cùng cha sau khi cha mẹ ly hôn, ông T không có ý kiến nên đề nghị ông T tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc con chung. Ghi nhận ông T không có ý kiến gì về việc bà N không cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung: bà N khai không có nên đề nghị không xem xét giải quyết;

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét đây là vụ án xin ly hôn, bị đơn ông Dương Minh T hiện đang cư trú tại xã PMT, tỉnh Vĩnh Long nên căn cứ Điều 28 và Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6-Vĩnh Long là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[2] Bị đơn ông Dương Minh T đã được Tòa án nhân dân khu vực 6-Vĩnh Long triệu tập nhiều lần để tham gia phiên họp hòa giải nhưng ông T không đến nên Tòa án không hòa giải được. Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai ông T tham dự phiên tòa nhưng ông T không đến không vì sự kiện bất khả kháng hoặc lý do khách quan. Nguyên đơn bà Huỳnh Thị Hồng N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ Điều 227, 288 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà N, ông T là đúng quy định.

[3] Về hôn nhân: Ông Dương Minh T và bà Huỳnh Thị Hồng N tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TN, huyện MCB, tỉnh Bến Tre (nay là xã PMT, tỉnh Vĩnh Long) vào ngày 22/02/2016 nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do

vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên thường xuyên cải vả nhau, vợ chồng đã ly thân với nhau từ năm 2022 cho đến nay. Nay bà N xác định không còn tình cảm với nhau nên khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T. Bà N có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

Xét thấy mâu thuẫn giữa bà N với ông T thực tế đã xảy ra. Căn cứ theo biên bản xác minh bà Trần Thị Hồng C là là mẹ ruột bà N cho biết: Vợ chồng bà N, ông T có mâu thuẫn với nhau, nguyên nhân mâu thuẫn là do kinh tế, ông T ham chơi cờ bạc mắc nợ, nhiều lần mượn tiền mẹ chồng trả sau đó mẹ chồng yêu cầu hai đứa trả nợ. Ông T đi làm có tiền lo cho gia đình bên chồng, có em chồng đi học đại học trong khi bà N sử dụng tiền phải báo cho ông T biết sử dụng vào việc gì. Vợ chồng đã ly thân nhau từ tháng 7/2022 đến nay, mặc dù gia đình hai bên có hàn gắn nhưng vẫn không được. Tòa án đã mời ông T đến hòa giải nhiều lần nhưng ông T không đến, điều này cho thấy ông T có thái độ bỏ mặc không quan tâm đến hôn nhân của mình. Từ đó, cho thấy thực tế mâu thuẫn giữa vợ chồng bà N, ông T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà N.

[4] Về con chung: Vợ chồng bà Huỳnh Thị Hồng N và ông Dương Minh T có 01 con chung tên Dương Huỳnh Ngọc A, sinh ngày 16/9/2016. Sau khi ly hôn, bà N đồng ý để ông T được tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc con chung, phù hợp với nguyện vọng của cháu Ngọc A muốn sống cùng cha sau khi cha mẹ ly hôn, ông T không có ý kiến nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Ghi nhận ông T không có ý kiến về việc bà N không cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung: Bà Huỳnh Thị Hồng N khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Bà Huỳnh Thị Hồng N khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Xét thấy ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là hoàn toàn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000(Ba trăm ngàn) đồng bà Huỳnh Thị Hồng N phải chịu theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ các Điều 28, 35, 147, 227, 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Huỳnh Thị Hồng N.

- *Về hôn nhân*: Bà Huỳnh Thị Hồng N được ly hôn ông Dương Minh T.

- *Về con chung*: Ông Dương Minh T và bà Huỳnh Thị Hồng N có 01 con chung tên Dương Huỳnh Ngọc A, sinh ngày 16/9/2016. Sau khi ly hôn, ông Dương Minh T được tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc con chung. Ông Dương Minh T không yêu cầu bà Huỳnh Thị Hồng N cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Huỳnh Thị Hồng N được quyền đến thăm, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung*: Bà Huỳnh Thị Hồng N khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- *Về nợ chung*: Bà Huỳnh Thị Hồng N khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- *Về án phí:* Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) bà Huỳnh Thị Hồng N phải nộp nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009423 ngày 26/4/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 6-Vĩnh Long).

- *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

" Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND khu vực 6-Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- UBND xã PMT;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Đoan Trang